

Bản án số: 61/2017/HS-ST

Ngày: 29-11-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Đồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Đắc Minh;

2. Ông Nguyễn Thế Hiển.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Võ Thế Duẩn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 65/2017/TLST-HS ngày 30 tháng 10 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2017/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Thị Thu H (tên gọi khác là B), sinh năm 1986, tại Bình Dương; nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Bình Dương; trình độ văn hóa: 4/12; nghề nghiệp: Bán vé số; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K (đã chết) và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1954; có chồng Nguyễn Chí C, sinh năm 1979 và có 06 người con ruột, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh ngày 23/3/2013; tiền án: Có 01 tiền án, bị Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xử phạt 01 năm 04 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm 08 tháng tính từ ngày 06/01/2016 về tội “Đánh bạc” và tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2016/HSST ngày 06/01/2016; tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:***

1. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1974; hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Bình Dương (có mặt).

2. Ông Nguyễn Như N, sinh năm 1978; hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Bình Dương (có mặt).

3. Bà Đỗ Thị C1, sinh năm 1949; hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Bình Dương (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút, ngày 16/6/2017, Nguyễn Thị Thu H cùng với Nguyễn Như N, sinh năm 1978 và Nguyễn Văn L, sinh năm 1974, cùng ngụ tại Ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Bình Dương đi bộ đến quán nước của bà Đỗ Thị C1, sinh năm 1949, ngụ cùng địa chỉ để uống nước. Sau khi bán nước cho H, N và L xong, bà C1 đi ra phía sau nhà giặt quần áo và rửa ly. Lúc này, thấy trên bàn có một bộ bài tây nên H, N và L rủ nhau đánh bạc dưới hình thức chơi bài câu cá thắng thua bằng tiền. Hình thức chơi đánh bài câu cá gồm có 03 tụ, không có tụ cái, bài tây 52 lá chia làm 03 tụ, mỗi tụ có 07 lá và 10 lá lật để đánh, thắng thua bằng cách tính điểm, tụ nào cao điểm nhất thì thắng được số tiền 30.000 đồng, tụ nào điểm cao thứ hai thì thua số tiền 10.000 đồng, tụ nào thấp điểm nhất thì thua số tiền là 20.000 đồng. Đến 15 giờ 05 phút cùng ngày, cả ba người chơi được khoảng 07 đến 08 ván thì bị Công an xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương bắt quả tang và thu giữ các vật chứng gồm:

- Thu giữ tại chiếu bạc: Tiền Việt Nam 50.000 đồng; 01 (một) bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng.

- Thu giữ trên người các đối tượng: Thu của Nguyễn Thị Thu H 155.000 đồng; thu của Nguyễn Văn L 183.000 đồng.

- Kiểm tra tại hiện trường phát hiện và thu giữ 02 bộ bài tây đã qua sử dụng.

Quá trình điều tra xác định hành vi tham gia đánh bạc của bị cáo, cụ thể như sau:

- Nguyễn Thị Thu H mang theo số tiền khoảng 175.000 đồng để tham gia đánh bạc, chơi được khoảng 07 – 08 ván, thua số tiền 20.000 đồng.

- Nguyễn Như N mang theo số tiền 70.000 đồng để tham gia đánh bạc, chơi được khoảng 07 – 08 ván, thua hết số tiền mang theo.

- Nguyễn Văn L mang theo số tiền khoảng 110.000 đồng để tham gia đánh bạc, chơi được khoảng 07 – 08 ván, thắng được số tiền 90.000 đồng.

Đối với hành vi đánh bạc của ông Nguyễn Như N và ông Nguyễn Văn L không đủ yếu tố cấu thành tội đánh bạc theo Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Tuy nhiên, hành vi đánh bạc của ông N và ông L đã vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Ngày 02/10/2017, Công an huyện D đã có các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 169, 170/QĐ-XPVPHC đối với ông N và ông L.

Đối với bà Đỗ Thị C1, quá trình điều tra xác định bà C1 không biết việc bị cáo H, ông N và ông L đánh bạc tại quán nước của mình nên không xử lý.

Tại Bản Cáo trạng số 66/CTr-VKS ngày 30/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Thu H về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D giữ nguyên quan điểm và quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thị Thu H về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 và đề nghị:

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 51, khoản 5 Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội khóa 14, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu H từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù. Đồng thời đề nghị tổng hợp hình phạt nhiều bản án theo quy định của pháp luật.

- Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 76 của Bộ luật Tổ tụng hình sự năm 2003; khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009: Tịch thu tiêu hủy đối với 03 bộ bài tây đã qua sử dụng; tịch thu sung công quỹ Nhà nước đối với số tiền 388.000 đồng là tiền do bị cáo H và các đối tượng N và L sử dụng vào việc phạm tội.

Tại phiên tòa, bị cáo H thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để sớm có điều kiện cải tạo làm công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông N và ông L: Chấp nhận bị Công an huyện D xử lý vi phạm hành chính, không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định và không bị ai khiếu nại gì về việc tiến hành các hoạt động tố tụng đối với vụ án nên toàn bộ hoạt động tố tụng, thu thập chứng cứ đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo H đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, cụ thể: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 16/6/2017, tại quán nước của bà Đỗ Thị C1 thuộc Ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Bình Dương, bị cáo H cùng với ông N và ông L đã

thực hiện hành vi đánh bạc với hình thức chơi bài câu cá thắng thua bằng tiền. Đến 15 giờ 05 phút cùng ngày, cả ba người chơi được khoảng 07 đến 08 ván thì bị Công an xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương bắt quả tang; thu giữ tại chiếu bạc và trên người của bị cáo H, ông N và ông L tổng số tiền là 388.000 đồng (ba trăm tám mươi tám nghìn đồng) và 03 bộ bài tây đã qua sử dụng. Lời khai nhận của bị cáo H tại phiên tòa là phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở xác định Bản Cáo trạng số 66/CTr-VKS ngày 30/10/2017 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương truy tố đối với bị cáo H về tội “Đánh bạc” theo quy định tại Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo H tuy đơn giản nhưng rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự an toàn công cộng nơi xảy ra vụ án, là hệ lụy kéo theo nhiều tệ nạn xã hội khác, làm cho quần chúng nhân dân mất lòng tin vào chính quyền khi để tệ nạn xã hội xảy ra tại địa phương mình quản lý.

[4] Xét tính chất, hành vi và mức độ phạm tội, bị cáo H là người có đầy đủ năng lực để nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật, thế nhưng bị cáo bất chấp hậu quả để thực hiện tội phạm. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Tổng số tiền bị cáo H cùng ông N và ông L dùng để đánh bạc là 388.000 đồng (ba trăm tám mươi tám nghìn đồng), chưa đủ yếu tố về định lượng để truy tố nhưng do bị cáo H thực hiện hành vi phạm tội khi có 01 tiền án về tội “đánh bạc” và tội “chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2016/HSST ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng với thời gian thử thách là 02 năm 08 tháng tính từ ngày 06/01/2016, hiện bị cáo chưa chấp hành xong hình phạt, vì vậy bị cáo bị truy tố về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội khóa 14 là phù hợp.

[5] Để bị cáo H thấy được sự nghiêm minh của pháp luật và đảm bảo công tác đấu tranh phòng chống tội phạm mà đặc biệt là tội phạm xâm phạm đến trật tự an toàn công cộng nên cần phải xử lý nghiêm bằng hình phạt tù đối với bị cáo nhằm có điều kiện giáo dục và cải tạo bị cáo thành người công dân tốt sau này, đồng thời cũng nhằm răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Bị cáo H thực hiện tội phạm đang trong thời gian phải chấp hành thời gian thử thách của án treo là 02 năm 08 tháng của Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2016/HSST ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng nên bị tổng hợp hình phạt theo quy định tại khoản 2 Điều 51; khoản 5 Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

[7] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: Bị cáo có thái độ thành khẩn khai

báo, ăn năn hối cải, bị cáo có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế và đang nuôi con nhỏ theo quy định điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

[8] Xét thấy, bị cáo có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, bị cáo đang nuôi con nhỏ nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền theo quy định tại khoản 3 Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

[9] Ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với bị cáo về phần tội danh, điều khoản truy tố và mức hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo H là có căn cứ phù hợp với các tình tiết của vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 03 bộ bài tây đã qua sử dụng, đây là công cụ bị cáo H sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền 388.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc và trên người của bị cáo H, ông N và ông L, đây là tiền được sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[11] Đối với hành vi đánh bạc ông N và ông L là đánh bạc dưới 5.000.000 đồng, hành vi không cấu thành tội phạm nên ngày 02/10/2017, Công an huyện D đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, không xử lý hình sự là phù hợp quy định của pháp luật.

[12] Đối với hành vi của bà C1 cho bị cáo H, ông N và ông L đánh bạc tại quán nước của mình không cấu thành tội phạm nên không đề cập xử lý là phù hợp quy định của pháp luật.

[13] Bị cáo H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Hình phạt: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thu H phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 248, khoản 2 Điều 51, khoản 5 Điều 60, điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội khóa 14:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu H 09 (chín) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2016/HSST ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 02 (hai) năm 01 (một) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam tại bản án trước từ ngày 28/4/2015 đến ngày 07/5/2015.

II. Xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003; khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy đối với 03 bộ bài tây đã qua sử dụng.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 388.000 đồng (ba trăm tám mươi tám nghìn đồng).

(Tài sản trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện D quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/10/2017 và biên lai thu số AA/2013/02272 ngày 19/10/2017).

III. Án phí: Căn cứ vào các Điều 98, 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị Thu H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 29/11/2017).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện D;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV27 Công an tỉnh Bình Dương;
- Công an huyện H;
- CC THA DS huyện. D;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Đồng

HỘI THÂM NHÂN DÂN

THÂM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Đắc Minh

Nguyễn Thế Hiển

Phạm Minh Đồng